

**Công ty Cổ phần VTC**  
**Truyền thông Trực tuyến**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số**

2900886641

ngày 9 tháng 5 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được cấp lần đầu số 2703001859 ngày 9 tháng 4 năm 2008. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2900886641 ngày 9 tháng 5 năm 2013.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Sào Nam	Chủ tịch
Ông Trần Phương Huy	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Đỗ Anh Tú	Thành viên
Ông Kwan Yew Chong	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Phan Sào Nam	Giám đốc
Ông Trần Phương Huy	Phó Giám đốc
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Đào Trường Giang	Phó Giám đốc
Ông Lee Yong Deuk	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Công viên VTC Park, Đại lộ V.I Lê Nin  
Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh  
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

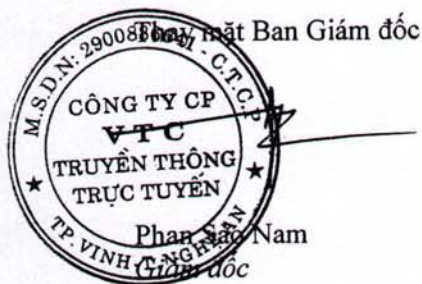
**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 5 năm 2016, được trình bày từ trang 7 đến 46.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

### **(i) Các số dư đầu năm và số liệu so sánh**

Báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 7 năm 2015 của chúng tôi đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ do ảnh hưởng quan trọng của các vấn đề như sau:

- Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. và Công ty VTC Online America Inc, hai công ty con của Công ty, chưa hoàn thành việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, do vậy, Công ty đã ghi nhận khoản đầu tư vào các công ty con này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo phương pháp giá gốc, thay vì hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty trình bày các khoản tiền đã nhận từ việc phát hành cổ phiếu cho Công ty IDG Ventures Vietnam và Công ty Prime Limited trong các năm 2010 và 2012 theo các hợp đồng/thỏa thuận được ký giữa Công ty và các nhà đầu tư này trong khoản mục vốn chủ sở hữu của Công ty. Tuy nhiên các hợp đồng/thỏa thuận này cho phép các hai nhà đầu tư này được quyền bán lại số cổ phiếu đã mua theo mức giá thỏa thuận trong hợp đồng sau một thời hạn đã được quy định hoặc nếu Công ty không đạt được một số điều kiện nhất định.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), các công cụ tài chính được tổ chức phát hành trình bày là công cụ vốn chủ sở hữu khi công cụ tài chính không bao gồm nghĩa vụ theo hợp đồng để trả tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác theo các điều kiện có thể bất lợi cho người phát hành, và các công cụ tài chính không phải là công cụ vốn chủ sở hữu được tổ chức phát hành trình bày là nợ phải trả. Nếu Công ty áp dụng theo Thông tư 210, một phần, hoặc toàn bộ, số tiền thu được từ việc phát hành cổ phần cho Công ty IDG Ventures Vietnam và Công ty Prime Limited mà Công ty đang ghi nhận là vốn chủ sở hữu có thể cần được phân loại lại và trình bày là nợ phải trả. Do Công ty không áp dụng Thông tư 210 trong trường hợp này, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các khoản mục vốn chủ sở hữu và các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200") do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và theo đó Công ty được phép lựa chọn việc có áp dụng Thông tư 210 hay không. Công ty đã lựa chọn không áp dụng Thông tư 210 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Do các số dư đầu kỳ hiện hành được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng có nội dung ngoại trừ do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đối với kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các ảnh hưởng của chúng đối với các số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



(ii) **Thông tin tài chính của các công ty con**

Như được trình bày tại Thuyết minh 14 trong báo cáo tài chính hợp nhất, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông tin tài chính của ba công ty con của Công ty là Công ty VTC Online JSC Laos, Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. và Công ty VTC Online America Inc đã không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty do Công ty đã không thể thu thập thông tin tài chính của các công ty con này. Thay vào đó, các khoản đầu tư vào các công ty con này được ghi nhận theo giá gốc.

Do hạn chế về thông tin, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho vấn đề này.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, như trình bày trong Thuyết minh 2(c) mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 81.812 triệu VND (1/1/2015 - đã phân loại lại: 76.563 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay lớn cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kể tiếp trị giá 97.044 triệu VND (1/1/2015 - đã phân loại lại: 68.431 triệu VND). Ngoài ra, như trình bày trong Thuyết minh 4(m)(i) và Thuyết minh 26(d) của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cổ phiếu phổ thông mà các cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ được trình bày là vốn cổ phần thuộc vốn chủ sở hữu với giá trị là 6.905 triệu VND (1/1/2015: 6.905 triệu VND). Nếu các cổ phiếu phổ thông này được trình bày toàn bộ như một khoản nợ phải trả thì nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng và vốn cổ phần của Công ty sẽ giảm đồng thời 6.905 triệu VND (1/1/2015: 6.905 triệu VND). Điều này cho thấy những yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

- Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh 4(m)(i) và Thuyết minh 26(d) của báo cáo tài chính hợp nhất về việc Công ty trình bày các khoản tiền đã nhận từ việc phát hành cổ phiếu cho Công ty IDG Ventures Vietnam và Công ty Prime Limited trong các năm 2010 và 2012 theo các hợp đồng/thỏa thuận được ký giữa Công ty và các nhà đầu tư này trong khoản mục vốn chủ sở hữu của Công ty. Các hợp đồng/thỏa thuận này cho phép các nhà đầu tư này được quyền bán lại số cổ phiếu đã mua theo mức giá thỏa thuận trong hợp đồng sau một thời hạn đã được quy định hoặc nếu Công ty không đạt được một số điều kiện nhất định. Do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn về việc trình bày cổ phiếu phổ thông phát hành kèm theo quyền chọn bán cổ phiếu tại một thời điểm chưa xác định trong tương lai, Công ty đã trình bày các cổ phiếu này như các cổ phiếu thông thường trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-055-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2040-2013-007-1**UBND PHƯỜNG THANH LƯƠNG**  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày 29-09-2017

Số chứng thực 4906 quyền số 01CT/BS



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>240.458.610.094</b>	<b>126.267.719.671</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>8.784.526.127</b>	<b>4.960.574.381</b>
Tiền	111		8.784.526.127	4.413.693.126
Các khoản tương đương tiền	112		-	546.881.255
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>202.551.934.904</b>	<b>119.220.295.902</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	157.247.627.748	78.258.856.316
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.827.096.247	19.721.157.473
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	25.681.030.917	24.858.865.754
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.618.583.641)	(3.618.583.641)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		414.763.633	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>27.049.261.962</b>	<b>1.245.308.622</b>
Hàng tồn kho	141		27.606.650.642	1.802.697.302
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(557.388.680)	(557.388.680)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.072.887.101</b>	<b>841.540.766</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		306.567.831	363.513.727
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		942.433.104	478.027.039
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		823.886.166	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>315.760.733.206</b>	<b>353.258.382.300</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>792.960.000</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác	216		792.960.000	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>67.557.951.544</b>	<b>69.562.037.563</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.256.919.138	20.932.039.615
Nguyên giá	222		95.085.129.963	77.184.832.167
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.828.210.825)	(56.252.792.552)
Tài sản cố định vô hình	227	11	37.301.032.406	48.629.997.948
Nguyên giá	228		80.734.905.908	103.880.666.407
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.433.873.502)	(55.250.668.459)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>198.770.792.775</b>	<b>208.288.610.139</b>
Nguyên giá	231		257.456.185.198	257.456.185.198
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(58.685.392.423)	(49.167.575.059)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15.876.267.570</b>	<b>33.177.837.976</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	15.876.267.570	33.177.837.976
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>5.436.787.379</b>	<b>5.436.787.379</b>
Đầu tư vào công ty con	251		8.638.240.000	8.638.240.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.307.220.262	11.307.220.262
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.508.672.883)	(14.508.672.883)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.325.973.938</b>	<b>36.793.109.243</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	27.303.342.084	35.951.269.243
Tài sản dài hạn khác	268		22.631.854	841.840.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>556.219.343.300</b>	<b>479.526.101.971</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>336.220.984.108</b>	<b>266.773.738.764</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>322.270.505.237</b>	<b>202.831.069.580</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	117.030.174.466	68.382.604.094
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.671.026.202	2.818.410.358
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	6.898.455.104	6.803.562.395
Phải trả người lao động	314		2.298.477.542	1.734.652.012
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	40.326.700.765	25.732.739.168
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20(a)	47.610.926.603	22.741.736.494
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	7.390.580.289	6.186.465.059
Vay và nợ ngắn hạn	320	22(a)	97.044.164.266	68.430.900.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.950.478.871</b>	<b>63.942.669.184</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20(b)	2.759.933.331	40.234.050.925
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	11.190.545.540	10.469.004.524
Vay và nợ dài hạn	338	22(b)	-	13.239.613.735
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>219.998.359.192</b>	<b>212.752.363.207</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>219.998.359.192</b>	<b>212.752.363.207</b>
Vốn cổ phần	411	24	24.044.600.000	24.044.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			24.044.600.000	24.044.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		238.984.896.750	238.984.896.750
Cổ phiếu quỹ	415	24	(1.250.000.000)	(550.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.995.755.846	1.803.906.709
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	8.355.410.034	8.355.410.034
Lỗ lũy kế	421		(52.132.303.438)	(59.886.450.286)
- (Lỗ)/lợi nhuận lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(59.886.450.286)	42.399.810.607
- Lợi nhuận/(lỗ) kỳ này	421b		7.754.146.848	(102.286.260.893)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>556.219.343.300</b>	<b>479.526.101.971</b>

Ngày 20 tháng 5 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Lê Văn Kiên  
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Phan Sào Nam  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND Đã phân loại lại</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>841.725.493.782</b>	<b>837.375.284.055</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>27</b>	<b>2.544.703.391</b>	<b>527.942.212</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>839.180.790.391</b>	<b>836.847.341.843</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>798.076.232.482</b>	<b>844.292.523.223</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>41.104.557.909</b>	<b>(7.445.181.380)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		113.746.424	277.393.352
Chi phí tài chính	22	29	8.130.827.516	29.027.856.990
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.765.177.865	14.087.831.297
Chi phí bán hàng	25		3.250.478.955	4.709.250.775
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	23.474.239.989	28.996.765.394
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.362.757.873</b>	<b>(69.901.661.187)</b>
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}				
Thu nhập khác	31	31	4.240.889.666	50.310.692.483
Chi phí khác	32	32	2.519.494.594	82.695.292.189
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.721.395.072</b>	<b>(32.384.599.706)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>8.084.152.945</b>	<b>(102.286.260.893)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>34</b>	<b>330.006.097</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>7.754.146.848</b>	<b>(102.286.260.893)</b>

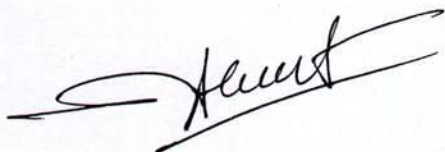
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)**Mẫu B 02 – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

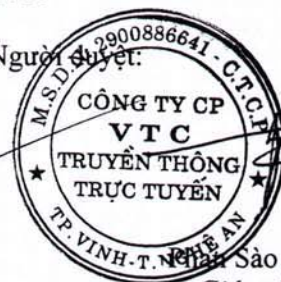
	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND Đã phân loại lại</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>7.754.146.848</b>	<b>(102.286.260.893)</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.754.146.848	(102.286.260.893)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-

Ngày 20 tháng 5 năm 2016

Người lập:

**Lê Văn Kiên**  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

**Nguyễn Xuân Hùng**  
Kế toán trưởng**Sào Nam**  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.



	Mã số	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		8.084.152.945	(102.286.260.893)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	31.098.714.358	44.607.239.924
Các khoản dự phòng	03	-	15.157.215.022
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(148.369.231)	59.060.828.661
Chi phí lãi vay	06	6.765.177.865	14.087.831.297
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>45.799.675.937</b>	<b>30.626.854.011</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(84.593.683.087)	57.193.479.362
Biến động hàng tồn kho	10	(25.803.953.340)	34.670.913.574
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	54.381.953.360	66.297.573.510
Biến động chi phí trả trước	12	8.704.873.055	(13.991.213.871)
		<b>(1.511.134.075)</b>	<b>174.797.606.586</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.403.542.509)	(19.055.821.383)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(659.041.477)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.195.624.694
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.168.771.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(8.914.676.584)</b>	<b>158.109.597.420</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.794.291.622)	(2.814.734.043)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	599.500.014	9.090.909.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(4.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	11.150.639.406
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(8.638.240.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	64.675.850	571.546.373
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.130.115.758)</b>	<b>4.460.120.827</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(700.000.000)	(75.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	481.525.290.102	630.258.625.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(466.151.639.571)	(807.428.225.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>14.673.650.531</b>	<b>(177.244.600.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>3.628.858.189</b>	<b>(14.674.881.753)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.960.574.381</b>	<b>18.857.516.653</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>195.093.557</b>	<b>777.939.481</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>8.784.526.127</b>	<b>4.960.574.381</b>


Ngày 20 tháng 5 năm 2016

Người lập:

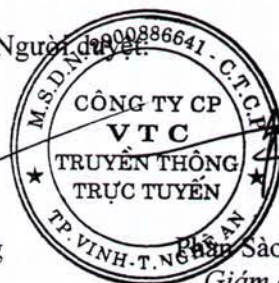


Lê Văn Kiên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Phạm Sào Nam  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thẻ điện thoại, thẻ trò chơi trực tuyến; phân phối trò chơi trực tuyến; cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày báo cáo, Công ty có 5 công ty con (1/1/2015: 5 công ty con) chi tiết như sau:

Các công ty con	Quốc gia thành lập	% sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại ngày	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty VTC Online Indonesia, PT	Indonesia	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục	Việt Nam	99%	99%
Công ty VTC Online JSC Laos	Lào	100%	100%
Công ty VTC Online Russia Co., Ltd.	Nga	100%	100%
Công ty VTC Online America Inc	Mỹ	100%	100%

- Công ty VTC Online Indonesia, PT sản xuất và kinh doanh trò chơi trực tuyến, cung cấp dịch vụ nội dung số, giá trị gia tăng và dịch vụ đa phương tiện tại Indonesia.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục cung cấp dịch vụ đào tạo và các dịch vụ hỗ trợ giáo dục, dịch vụ quảng cáo, quảng bá và giới thiệu kinh doanh.
- Công ty VTC Online JSC Laos đã dừng hoạt động trong năm 2014.
- Công ty VTC Online Russia Ltd. và Công ty VTC Online America Inc chưa chính thức đi vào hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và các công ty con có 229 nhân viên (1/1/2015: 181 nhân viên).



## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty và các công ty con là 52.132 triệu VND (1/1/2015: 59.886 triệu VND). Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 81.812 triệu VND (1/1/2015 - đã phân loại lại: 76.563 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay lớn cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp trị giá 97.044 triệu VND (1/1/2015 - đã phân loại lại: 68.431 triệu VND).

Ngoài ra, như trình bày trong Thuyết minh 4(m)(i) và Thuyết minh 26(d) của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cổ phiếu phổ thông mà các cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ được trình bày là vốn cổ phần thuộc vốn chủ sở hữu với giá trị là 6.905 triệu VND (1/1/2015: 6.905 triệu VND). Nếu các cổ phiếu phổ thông này được trình bày toàn bộ như một khoản nợ phải trả thì nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng và vốn cổ phần của Công ty sẽ giảm đồng thời 6.905 triệu VND (1/1/2015: 6.905 triệu VND).

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc các cổ đông tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng các cổ đông sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

### **(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và các công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 200 và Thông tư 202 (Thuyết minh 36).

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.



**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Công ty ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư số 1112/HĐ-VTCOL-ITC ngày 11 tháng 12 năm 2008 và hợp đồng hợp tác số 01A/HĐHT-VTCOL-ITC ngày 2 tháng 1 năm 2012 với Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số (“Công ty VTC Intecom”) về việc xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và cho thuê Tòa nhà Văn phòng tại số 18 Tam Trinh, Hà Nội (“Tòa nhà 18 Tam Trinh”). Theo các hợp đồng này:

- Công ty được giao là đại diện hợp pháp duy nhất thực hiện việc quản lý, vận hành và kinh doanh Tòa nhà 18 Tam Trinh; và
- Hai bên thực hiện việc phân chia hiệu quả kinh doanh Tòa nhà 18 Tam Trinh dựa trên kết quả kinh doanh thực tế.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	3 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Bản quyền trò chơi trực tuyến**

Bản quyền trò chơi trực tuyến được ghi nhận ban đầu theo giá mua đối với trò chơi mua ngoài hoặc theo các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển và đưa trò chơi vào khai thác đối với các trò chơi do Công ty tự phát triển. Bản quyền trò chơi được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(ii) Bản quyền trang mạng Go.vn**

Bản quyền trang mạng Go.vn bao gồm các chi phí phát sinh để sản xuất và phát triển các ứng dụng của trang mạng Go.vn. Các chi phí phát sinh trong giai đoạn hoạch định và triển khai trang mạng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa. Bản quyền trang mạng Go.vn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(iii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.



(i) **Bất động sản đầu tư cho thuê**

(i) **Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 40 năm
- các hệ thống tiện ích trong tòa nhà 12 năm

(j) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Chi phí nội thất Tòa nhà 18 Tam Trinh**

Chi phí nội thất Tòa nhà 18 Tam Trinh bao gồm các chi phí thi công nội thất và chi phí sửa chữa Tòa nhà 18 Tam Trinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(ii) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trên 1 năm và không quá 3 năm.

(l) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.



**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông kèm theo quyền chọn bán cổ phiếu như trình bày trong Thuyết minh 26(d) được phân loại là vốn cổ phần do số lượng cổ phiếu được cổ đông yêu cầu mua lại và thời điểm yêu cầu mua lại cổ phiếu trong tương lai chưa xác định. Cổ phiếu được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



(o) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng hóa là sim, thẻ và mã thẻ điện thoại di động trả trước của các công ty cung cấp dịch vụ viễn thông, thẻ và mã thẻ thanh toán trực tuyến Vcoin của chủ dịch vụ là Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá rằng Công ty đóng vai trò là chủ thể chính chịu trách nhiệm về rủi ro và lợi ích đối với các loại hàng hóa này, không phải là đại lý phân phối của các chủ dịch vụ. Do đó, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được, từ việc bán hàng, thông thường là bằng mệnh giá của thẻ được bán trừ đi chiết khấu người mua được hưởng, được ghi nhận là doanh thu của Công ty và phần phải trả cho nhà cung cấp và/hoặc các nhà mạng viễn thông theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng kinh tế, thông thường là bằng mệnh giá của thẻ được bán trừ đi chiết khấu Công ty được hưởng, được ghi nhận là giá vốn hàng bán.

Doanh thu bán hàng khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) **Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến**

Doanh thu cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên giá trị thẻ và mã thẻ thanh toán trực tuyến được người chơi nạp tiền vào các trò chơi trực tuyến phát hành bởi Công ty trong năm. Các khoản tiền thu được từ việc bán thẻ trò chơi trực tuyến nhưng chưa được người chơi kích hoạt để nạp tiền vào các trò chơi trực tuyến của Công ty được trình bày là doanh thu chưa thực hiện.

Các khoản chi phí chia sẻ với các đối tác tính theo tỷ lệ phân chia dựa trên doanh thu cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến được quy định theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng mua bán quyền trò chơi được ghi nhận là giá vốn cung cấp dịch vụ.

(iii) **Cung cấp dịch vụ quảng cáo**

Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm quảng cáo trên trang mạng của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, địa chỉ kết nối và biểu tượng, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng của Công ty.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các dịch vụ quảng cáo, xúc tiến thương mại được cung cấp cho khách hàng và được khách hàng chấp thuận.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) **Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.



(v) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	284.717.558	421.088.604
Tiền gửi ngân hàng	8.499.808.569	3.992.604.522
Các khoản tương đương tiền	-	546.881.255
	<hr/> 8.784.526.127	<hr/> 4.960.574.381



## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số	68.190.229.375	35.517.855.948
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Đầu tư phát triển An ninh Công nghệ cao	50.654.597.000	-
Tổng Công ty Viễn Thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn		
Viễn thông Quân đội	12.257.607.550	600.578.150
Công ty CP Trường Thịnh Phát	10.000.000.000	25.000.000.000
Các khách hàng khác	16.145.193.823	17.140.422.218
	<b>157.247.627.748</b>	<b>78.258.856.316</b>

Khoản phải thu từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và không có thời hạn hoàn trả cố định.

## 7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu tiền chuyển nhượng khoản đầu tư vào Đại học Văn Hiến	354.492.010	4.852.165.518
Phải thu từ Đại học Văn Hiến	1.500.000.000	1.500.000.000
Tiền chi quỹ khen thưởng, phúc lợi chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt	2.488.483.221	2.073.719.588
Tạm ứng	10.781.174.374	13.312.554.337
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khác	9.556.881.312	2.120.426.311
	<b>25.681.030.917</b>	<b>24.858.865.754</b>

## 8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2015 và 1/1/2015			Giá trị có thể thu hồi VND
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH Thương mại	Trên 3 năm	648.542.139	(648.542.139)	-
Dịch vụ Quốc tế Hoàng Anh	Trên 3 năm	1.490.776.000	(745.388.000)	745.388.000
Công ty TNHH Tân Thuận	Trên 3 năm	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Đại học Văn Hiến	Trên 3 năm	2.224.653.502	(2.224.653.502)	-
Khác				
		5.863.971.641	(3.618.583.641)	2.245.388.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi			(3.618.583.641)	

## 9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	62.093.636	-	127.349.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.884.742.596	-	79.428.381	-
Hàng hóa	24.528.671.877	-	-	-
Hàng gửi đi bán	1.131.142.533	(557.388.680)	1.595.919.921	(557.388.680)
	27.606.650.642	(557.388.680)	1.802.697.302	(557.388.680)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 573 triệu VND hàng gửi đi bán (1/1/2015: 1.038 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.783.651.198	63.228.389.043	1.338.376.831	6.910.936.244	1.923.478.851	77.184.832.167
Tăng trong năm	-	1.000.628.000	-	80.002.480	29.730.001	1.110.360.481
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.440.047.002	-	-	-	-	18.440.047.002
Thanh lý	-	-	(1.338.376.831)	(196.165.350)	-	(1.534.542.181)
Xóa sổ	-	(105.251.200)	-	-	-	(105.251.200)
Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo các công ty con hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	(10.316.306)	-	(10.316.306)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.223.698.200</b>	<b>64.123.765.843</b>	<b>-</b>	<b>6.784.457.068</b>	<b>1.953.208.852</b>	<b>95.085.129.963</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	2.662.780.267	46.047.944.747	769.031.774	4.907.183.404	1.865.852.360	56.252.792.552
Khấu hao trong năm	846.348.833	7.816.012.798	98.492.984	892.566.046	53.056.246	9.706.476.907
Thanh lý	-	-	(867.524.758)	(151.210.790)	-	(1.018.735.548)
Xóa sổ	-	(105.251.200)	-	-	-	(105.251.200)
Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo các công ty con hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	(7.071.886)	-	(7.071.886)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.509.129.100</b>	<b>53.758.706.345</b>	<b>-</b>	<b>5.641.466.774</b>	<b>1.918.908.606</b>	<b>64.828.210.825</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.120.870.931	17.180.444.296	569.345.057	2.003.752.840	57.626.491	20.932.039.615
Số dư cuối năm	18.714.569.100	10.365.059.498	-	1.142.990.294	34.300.246	30.256.919.138

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 35.919 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015; 24.379 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 18.440 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá	Bản quyền trò chơi trực tuyến VND	Bản quyền trang mạng Go.vn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	46.108.526.045	57.155.029.362	617.111.000	103.880.666.407
Tăng trong năm	545.454.545	-	-	545.454.545
Xóa sổ	(23.691.215.044)	-	-	(23.691.215.044)
Số dư cuối năm	22.962.765.546	57.155.029.362	617.111.000	80.734.905.908
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	34.509.545.407	20.246.022.390	495.100.662	55.250.668.459
Khấu hao trong năm	7.304.741.630	4.501.172.712	68.505.745	11.874.420.087
Xóa sổ	(23.691.215.044)	-	-	(23.691.215.044)
Số dư cuối năm	18.123.071.993	24.747.195.102	563.606.407	43.433.873.502
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	11.598.980.638	36.909.006.972	122.010.338	48.629.997.948
Số dư cuối năm	4.839.693.553	32.407.834.260	53.504.593	37.301.032.406

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.739 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 23.098 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Các hệ thống tiện ích trong tòa nhà VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	194.507.275.579	62.948.909.619	257.456.185.198
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	27.062.761.615	22.104.813.444	49.167.575.059
Khấu hao trong năm	4.994.973.036	4.522.844.328	9.517.817.364
Số dư cuối năm	32.057.734.651	26.627.657.772	58.685.392.423
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	167.444.513.964	40.844.096.175	208.288.610.139
Số dư cuối năm	162.449.540.928	36.321.251.847	198.770.792.775

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm phần chi phí Công ty đã chi cho việc xây dựng và đầu tư các hệ thống tiện ích của Tòa nhà 18 Tam Trinh cho mục đích cho thuê hoạt động và một phần là trụ sở của Công ty.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 162.450 triệu VND (1/1/2015: 167.445 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	33.177.837.976	90.649.581.750
Tăng trong năm	1.138.476.596	468.581.739
Xóa sổ	-	(34.424.347.497)
Thanh lý	-	(15.065.978.016)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(18.440.047.002)	(8.450.000.000)
Số dư cuối năm	15.876.267.570	33.177.837.976

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án Công viên phần mềm	10.830.374.432	29.270.421.434
Chi phí bản quyền và thương mại hóa các trò chơi	4.635.584.000	3.497.107.404
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	410.309.138	410.309.138
	15.876.267.570	33.177.837.976

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 7.061 triệu VND (1/1/2015: 25.501 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

#### 14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015 và 1/1/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>			
▪ Công ty VTC Online JSC Laos (*)	8.638.240.000	(3.301.452.621)	(**)
<b>Các công ty khác</b>			
▪ Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. (*)	6.281.781.762	(6.281.781.762)	(**)
▪ Công ty VTC Online America Inc (*)	4.925.438.500	(4.925.438.500)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kết nối số VTC	100.000.000	-	(**)
	19.945.460.262	(14.508.672.883)	(**)

(\*) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông tin tài chính của Công ty VTC Online JSC Laos, Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. và Công ty VTC Online America Inc, ba công ty con của Công ty, đã không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty do Công ty đã không thể thu thập thông tin tài chính của các công ty con này. Khoản đầu tư vào các công ty con này được phản ánh theo giá gốc. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. và Công ty VTC Online America Inc chưa chính thức đi vào hoạt động. Do Công ty chưa có kế hoạch hoạt động với hai công ty con này nên Công ty đã phân loại lại các khoản đầu tư vào các công ty con này sang khoản mục đầu tư tài chính dài hạn khác.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí nội thất Tòa nhà 18 Tam Trinh VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	33.519.727.210	2.431.542.033	35.951.269.243
Tăng trong năm	5.123.939.279	931.168.741	6.055.108.020
Phân bổ trong năm	(13.620.638.727)	(1.082.396.452)	(14.703.035.179)
Số dư cuối năm	25.023.027.762	2.280.314.322	27.303.342.084

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
Lỗi tính thuế	38.924.324.968	7.784.864.994	45.702.614.564	10.054.575.204

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2019.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Smilegate, INC	61.799.651.714	44.132.832.239
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Đầu tư Nam Việt	24.550.383.000	-
Gamewave HK Holdings Limited	6.562.515.596	6.562.515.596
Wargaming.net LLP	3.536.879.629	1.452.152.243
Công ty CP Xây dựng số 3 - VINACONEX 3	2.497.332.082	2.497.332.082
Các nhà cung cấp khác	18.083.412.445	13.737.771.934
	117.030.174.466	68.382.604.094

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện	1.648.697.200	1.029.550.507
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa phương tiện	-	132.000.000
VTC Thành phố Hồ Chí Minh	-	-
	1.648.697.200	1.161.550.507

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.827.627.185	82.840.555.855	(83.819.050.932)	4.849.132.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	330.006.097	-	330.006.097
Thuế thu nhập cá nhân	287.040.003	950.337.503	(353.399.857)	883.977.649
Các loại thuế và phí khác	688.895.207	14.611.888.444	(14.465.444.401)	835.339.250
	6.803.562.395	98.732.787.899	(98.637.895.190)	6.898.455.104



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí bản quyền trò chơi và chia sẻ doanh thu với các đối tác đầu tư các trò chơi trực tuyến	39.796.874.070	17.692.784.343
Chi phí phải trả xây dựng Công viên phần mềm	-	1.406.991.818
Lãi vay phải trả	273.562.477	911.927.121
Chi phí phải trả khác	256.264.218	5.721.035.886
	<hr/> 40.326.700.765	<hr/> 25.732.739.168 <hr/>

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

**(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Hoạt động cho thuê văn phòng	36.614.650.630	20.162.323.709
Hoạt động bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước	2.389.772.720	-
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ đào tạo và dịch vụ khác	2.692.816.262	2.579.412.785
	<hr/> 41.697.239.612	<hr/> 22.741.736.494 <hr/>
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	5.913.686.991	-
	<hr/> 47.610.926.603	<hr/> 22.741.736.494 <hr/>

**(b) Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Hoạt động cho thuê văn phòng	8.279.799.978	39.880.841.891
Hoạt động bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước	393.820.344	353.209.034
	<hr/> 8.673.620.322	<hr/> 40.234.050.925 <hr/>
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(5.913.686.991)	-
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	2.759.933.331	40.234.050.925
	<hr/> 2.759.933.331	<hr/> 40.234.050.925 <hr/>

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

**(a) Phải trả, phải nộp khác – ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã phân loại lại</b>
Kinh phí công đoàn	1.676.032.256	1.542.658.534
Bảo hiểm xã hội	647.966.852	188.096.825
Bảo hiểm y tế	157.787.027	14.070.694
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	139.559.000	38.639.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.769.235.154	4.403.000.006
	<hr/>	<hr/>
	7.390.580.289	6.186.465.059

**(b) Phải trả, phải nộp khác – dài hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã phân loại lại</b>
Ký quỹ của khách hàng thuê văn phòng	11.190.545.540	10.469.004.524
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015				Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Đã phân loại lại	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	53.556.525.000	53.556.525.000		481.525.290.102	(451.277.264.571)	83.804.550.531	83.804.550.531	
Vay dài hạn đến hạn trả	14.874.375.000	14.874.375.000		13.239.613.735	(14.874.375.000)	13.239.613.735	13.239.613.735	
	68.430.900.000	68.430.900.000		494.764.903.837	(466.151.639.571)	97.044.164.266	97.044.164.266	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	6,4%	-	7.641.425.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6% - 8,3%	83.804.550.531	45.915.100.000
			83.804.550.531	53.556.525.000

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được đảm bảo bằng toàn bộ công trình xây dựng hiện tại và sẽ hình thành trong tương lai gắn liền với quyền sử dụng đất thuê tại Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Nghệ An có giá trị còn lại là 25.501 triệu VND (1/1/2015: 25.501 triệu VND) (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 12).

Khoản vay ngắn hạn cùng với khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty được trình bày trong Thuyết minh 13 và các cam kết bảo lãnh khác.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Vay dài hạn	13.239.613.735	28.113.988.735
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(13.239.613.735)	(14.874.375.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	13.239.613.735

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2016	13.239.613.735	28.113.988.735

Vay dài hạn là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I theo Hợp đồng tín dụng số 2704/2009/SGD-VTCOL/HDTD ngày 27 tháng 4 năm 2009. Khoản vay này đã được dùng để đầu tư Dự án “Mua và kinh doanh tòa nhà 21 tầng tại số 310 phố Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội” (đây cũng chính là Tòa nhà 18 Tam Trinh) với lãi suất năm được tính bằng 2,8% cộng với lãi suất tham chiếu (lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng của Sở Giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam) được xác định vào ngày xác định lãi suất tương ứng. Thời hạn vay của khoản này là 7 năm và ngày bắt đầu trả nợ là ngày 25 tháng 1 năm 2011 (kể từ sau 84 ngày giải ngân đầu tiên).

Khoản vay dài hạn này, cùng với khoản vay ngắn hạn được trình bày trong Thuyết minh 22(a), được thế chấp bằng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm các tài sản trên đất của Tòa nhà 18 Tam Trinh (Thuyết minh 12). Ngoài ra, khoản vay này cũng được bảo lãnh tín chấp bởi Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện, một cổ đông lớn của Công ty.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	24.044.600.000	238.984.896.750	(475.000.000)	1.326.132.301	5.112.447.687	3.242.962.347	38.449.137.935	310.685.177.020
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(75.000.000)	-	-	-	(102.286.260.893)	(102.286.260.893)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ quy đổi báo cáo tài chính các công ty con ở nước ngoài	-	-	-	477.774.408	-	-	-	477.774.408
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	3.950.672.672	3.950.672.672
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 - đã báo cáo trước đây</b>	24.044.600.000	238.984.896.750	(550.000.000)	1.803.906.709	5.112.447.687	3.242.962.347	(59.886.450.286)	212.752.363.207
<i>Phân loại lại theo Thông tư 200 (Thuyết minh 36)</i>	-	-	-	-	3.242.962.347	(3.242.962.347)	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã phân loại lại</b>	24.044.600.000	238.984.896.750	(550.000.000)	1.803.906.709	8.355.410.034	-	(59.886.450.286)	212.752.363.207
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	7.754.146.848	7.754.146.848
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(700.000.000)	-	-	-	-	(700.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ quy đổi báo cáo tài chính các công ty con ở nước ngoài	-	-	-	191.849.137	-	-	-	191.849.137
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	24.044.600.000	238.984.896.750	(1.250.000.000)	1.995.755.846	8.355.410.034	-	(52.132.303.438)	219.998.359.192

## 24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	2.404.460	24.044.600.000	2.404.460	24.044.600.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.404.460	24.044.600.000	2.404.460	24.044.600.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	125.000	1.250.000.000	55.000	550.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.279.460	22.794.600.000	2.349.460	23.494.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần như sau:

31/12/2015	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành VND	%
Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên	10.200.000.000	45%
IDG Ventures Vietnam	2.222.220.000	10%
Prime Limited	4.682.380.000	20%
Các cổ đông khác	5.690.000.000	25%
	22.794.600.000	100%



1/1/2015

**Cổ phiếu phổ thông  
đang lưu hành**  
VND

%

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên	10.200.000.000	43,4%
IDG Ventures Vietnam	2.222.220.000	9,5%
Prime Limited	4.682.380.000	19,9%
Các cổ đông khác	6.390.000.000	27,2%
	<b>23.494.600.000</b>	<b>100%</b>

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>2015</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>2014</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.349.460	23.494.600.000		2.356.960	23.569.600.000	
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(70.000)	(700.000.000)		(7.500)	(75.000.000)	
Số dư cuối năm	2.279.460	22.794.600.000		2.349.460	23.494.600.000	

## 25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty trong tương lai.

Trong các năm trước, Công ty đã trích lập Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp quy định doanh nghiệp không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính và toàn bộ số dư đầu kỳ của Quỹ dự phòng tài chính sẽ được chuyển vào Quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 36).

## 26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	1.880.993.659	1.880.993.659
Trong vòng hai đến năm năm	7.523.974.637	7.523.974.637
Sau năm năm	67.547.618.515	69.428.612.174
	<hr/>	<hr/>
	76.952.586.811	78.833.580.470

### (b) Hợp đồng phát hành trò chơi trực tuyến

Các khoản tiền tối thiểu phải trả đã được Công ty và các công ty con cam kết trong các hợp đồng phát hành trò chơi trực tuyến với các đối tác cung cấp trò chơi như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	7.817.878.000	7.522.240.000
Trong vòng hai đến năm năm	11.418.674.283	7.479.500.000
	<hr/>	<hr/>
	19.236.552.283	15.001.740.000

### (c) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (USD)	70.170	1.584.725.958	6.510	142.839.298
Indonesia Rupia (IDR)	2.050.800.214	3.322.296.347	65.402.025	111.183.442
		<hr/>		<hr/>
		4.907.022.305		254.022.740



**(d) Cam kết với các nhà đầu tư**

**(i) Cam kết với Công ty IDG Venture Vietnam**

Tháng 6 năm 2010, Công ty IDG Venture Vietnam mua cổ phần của Công ty theo các quy định trong Hợp đồng mua bán cổ phần được ký kết giữa hai bên. Đồng thời, hai bên đã ký một Thỏa thuận quyền chọn bán cổ phiếu trong đó Công ty đã cam kết vô điều kiện về việc mua lại một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của Công ty do Công ty IDG Venture Vietnam sở hữu tại bất kỳ thời điểm nào sau thời hạn 3 năm kể từ tháng 6 năm 2010 (tức là kể từ tháng 6 năm 2013), hoặc bất cứ lúc nào nếu một số các điều kiện quy định trong Thỏa thuận quyền chọn bán cổ phiếu xảy ra, theo mức giá đã được quy định trong Thỏa thuận này trong trường hợp IDG Venture Vietnam lựa chọn thực hiện quyền bán này.

Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, IDG Venture Vietnam chưa thực hiện quyền bán này.

**(ii) Cam kết với Công ty Prime Limited**

Theo Hợp đồng mua bán cổ phần (“Hợp đồng mua bán cổ phần”) ký kết ngày 22 tháng 6 năm 2012 giữa Công ty và Công ty Prime Limited, Công ty Prime Limited có quyền bán lại một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của Công ty do Công ty Prime Limited sở hữu tại bất kỳ thời điểm nào sau ngày 22 tháng 7 năm 2012 theo mức giá được quy định trong Hợp đồng mua bán cổ phần, khi một trong các điều kiện mua lại sau xảy ra:

- Công ty IDG Venture Vietnam, một cổ đông khác của Công ty, thực hiện quyền chọn bán cổ phần như đã trình bày ở trên;
- Công ty không tiến hành hoặc bị các cơ quan chức năng từ chối việc phát hành cổ phiếu của Công ty ra công chúng/niêm yết trong vòng 3 năm kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2012;
- Lợi nhuận hợp nhất cho năm 2013, 2014 hoặc 2015 của Công ty (không bao gồm lợi nhuận từ chuyển nhượng Tòa nhà 18 Tam Trinh nếu có) thấp hơn các mức lợi nhuận tối thiểu tương ứng được quy định trong Hợp đồng mua bán cổ phần; và
- Một số điều kiện khác theo quy định của Hợp đồng.

Công ty đồng thời cũng cam kết việc điều chỉnh giá mua của số cổ phần đã bán cho Prime Limited trong trường hợp lợi nhuận hợp nhất cho năm 2013, 2014 hoặc 2015 của Công ty (không bao gồm lợi nhuận từ chuyển nhượng Tòa nhà 18 Tam Trinh nếu có) thấp hơn các mức lợi nhuận tối thiểu tương ứng theo quy định của hợp đồng. Công ty sẽ có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền chênh lệch giữa giá mua điều chỉnh so với giá mua ban đầu của số cổ phần do Prime Limited đầu tư trong thời hạn quy định bởi Hợp đồng.

Công ty cũng cam kết chi sử dụng số tiền thu được từ giao dịch bán cổ phần cho Prime Limited trong năm 2012 vào các hoạt động phát triển trang mạng Go.vn, phát triển và phát hành các trò chơi, phát triển các phương tiện truyền thông đại chúng và dịch vụ giáo dục trực tuyến và ngoại tuyến.

Mặc dù một số các điều kiện mua lại đã xảy ra, tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Prime Limited chưa thực hiện quyền bán này.

## 27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	243.577.670.269	607.873.650.145
▪ Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	427.913.678.685	162.639.446.029
▪ Cung cấp dịch vụ quảng cáo	104.803.363.020	7.648.220.832
▪ Doanh thu từ dịch vụ đào tạo	8.638.248.343	10.650.030.313
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	56.248.564.494	48.428.345.282
▪ Doanh thu khác	543.968.971	135.591.454
	841.725.493.782	837.375.284.055
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.544.703.391)	(527.942.212)
Doanh thu thuần	839.180.790.391	836.847.341.843

## 28. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	345.100.817.555	608.118.088.622
▪ Dịch vụ trò chơi trực tuyến đã cung ứng	377.376.710.884	181.721.585.280
▪ Dịch vụ quảng cáo đã cung ứng	15.159.320.035	563.131.450
▪ Dịch vụ đào tạo	4.109.360.239	5.758.765.391
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	44.200.380.876	34.500.877.052
▪ Lãi kinh doanh của Tòa nhà 18 Tam Trinh phân chia cho Công ty VTC Intecom	11.935.515.229	12.132.241.404
▪ Giá vốn khác	194.127.664	1.497.834.024
	798.076.232.482	844.292.523.223



**29. Chi phí tài chính**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí lãi vay	6.765.177.865	14.087.831.297
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	14.508.672.883
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.365.649.651	277.933.192
Chi phí tài chính khác	-	153.419.618
	<b>8.130.827.516</b>	<b>29.027.856.990</b>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí nhân viên	11.583.082.136	13.612.194.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.981.741.949	3.599.560.530
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.563.688.223	2.402.939.241
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.345.727.681	9.382.071.066
	<b>23.474.239.989</b>	<b>28.996.765.394</b>

**31. Thu nhập khác**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b> <b>Đã phân loại lại</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	83.693.381	-
Thu nhập từ các trò chơi trực tuyến đã xóa sổ	-	10.435.188.041
Xóa sổ khoản phải trả không phải thanh toán	3.546.871.652	-
Thu nhập từ thanh lý phần đất tại Công viên phần mềm	-	36.363.636.364
Thu nhập khác	610.324.633	3.511.868.078
	<b>4.240.889.666</b>	<b>50.310.692.483</b>

**32. Chi phí khác**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND Đã phân loại lại</b>
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	-	10.296.734.429
Giá trị còn lại của bản quyền trò chơi trực tuyến đã xóa sổ	-	15.052.684.739
Giá trị của dự án Studio đã xóa sổ	-	29.269.847.497
Lỗ chưa ghi nhận từ hoạt động Tòa nhà 18 Tam Trinh từ các năm trước	-	23.117.394.419
Phạt thuế	2.304.668.389	-
Chi phí khác	214.826.205	4.958.631.105
	<b>2.519.494.594</b>	<b>82.695.292.189</b>

**33. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	341.718.528.976	611.336.804.674
Chi phí nhân công	31.094.949.821	36.504.737.281
Chi phí khấu hao	31.098.714.358	44.316.134.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.896.658.117	148.306.244.150
Chi phí khác	4.868.379.426	34.023.610.275



### **34. Thuế thu nhập**

#### **(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	8.084.152.945	(102.286.260.893)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.778.513.648	(22.502.977.396)
Chi phí không được khấu trừ thuế	858.549.801	11.631.073.461
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(37.347.142)	91.009.154
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất	(778.486.499)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	10.054.575.204
Lợi ích của lỗ tính thuế được sử dụng	(1.491.223.711)	-
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	-	726.319.577
	<b>330.006.097</b>	<b>-</b>

#### **(b) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016. Thuế suất áp dụng cho các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như sau:

- Công ty VTC Online Indonesia, PT: 22% (2014: 22%); và
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục: 10% (2014: 10%).

### **35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động</b>		
Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	4.129.913.070	2.129.331.614
Doanh thu hợp tác kinh doanh trò chơi trực tuyến	436.685.802	529.449.920
<b>Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông số VTC</b>		
Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	-	1.284.817.966
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	32.890.000
<b>Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số</b>		
Doanh thu hợp tác kinh doanh trò chơi trực tuyến	135.693.935.973	126.207.977.238
Mua hàng hóa, dịch vụ	107.346.000	129.214.300
Phân chia hiệu quả kinh doanh Tòa nhà 18 Tam Trinh	12.130.679.760	12.453.491.404
Phải thu 40% tiền thuê đất tại Tòa nhà 18 Tam Trinh	618.990.590	1.237.981.200
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	3.359.553.388	3.917.640.229
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	632.650.000	684.000.000



### 36. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và các công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

#### (a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	24.858.865.754	11.546.311.417
Tài sản ngắn hạn khác	-	14.154.095.103
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22.741.736.494	-
Phải trả ngắn hạn khác	6.186.465.059	28.928.201.553
Vay và nợ ngắn hạn	68.430.900.000	53.556.525.000
Vay và nợ dài hạn	13.239.613.735	28.113.988.735
Quỹ đầu tư phát triển	8.355.410.034	5.112.447.687
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.242.962.347

#### (b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 (phân loại lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Thu nhập khác	50.310.692.483	59.401.601.574
Chi phí khác	82.695.292.189	91.786.201.280

Ngày 20 tháng 5 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Lê Văn Kiên  
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Phạm Bảo Nam  
Giám đốc